

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2026, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 115/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

Địa chỉ: **Tòa nhà T, số A T, phường A, thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Văn T**; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Ngọc T1** – Chức vụ: Chuyên viên cao cấp THN.

Địa chỉ: **Số B N, phường H, thành phố Đà Nẵng.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1995.

Số căn cước công dân: 052095002025

Địa chỉ: **Thôn N, phường A, tỉnh Gia Lai.**

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông **Nguyễn Thành L** thống nhất còn nợ **Ngân hàng thương mại cổ phần P** tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/7/2026 là: **450.079.731 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu không trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi một đồng), cụ thể: Nợ gốc: 424.954.424 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.391.644 đồng; Nợ lãi quá hạn: 22.733.663 đồng.

2. Về thời hạn và phương thức trả nợ:

2.1. Chậm nhất đến ngày 03/9/2026, ông **Nguyễn Thành L** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần P** tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/7/2026 là **450.079.731 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu không trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi một đồng), cụ thể: Nợ gốc: 424.954.424 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.391.644 đồng; Nợ lãi quá hạn: 22.733.663 đồng;

Kể từ ngày 08/7/2026, ông **Nguyễn Thành L** còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 0154/2024/NBD/HĐTDHM ngày ngày 22 tháng 10 năm 2024; Kế ước nhận nợ số 0154.03/2024/NBD/KUNN ngày 20/8/2025 và theo quy định của pháp luật cho đến khi ông **Nguyễn Thành L** thanh toán toàn bộ khoản vay.

2.2. Trường hợp ông **Nguyễn Thành L** vi phạm nghĩa vụ thanh toán được nêu tại mục [2.1] thì **Ngân hàng thương mại cổ phần P** có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0051/2023/NBD/HĐTC ngày 08/5/2023 giữa **Ngân hàng TMCP P** và ông **Nguyễn Thành L** tại **Phòng công chứng số 3 tỉnh B** ngày 08/5/2023, số công chứng: 1215, quyền số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD, để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì ông **Nguyễn Thành L** còn tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần P** đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông **Nguyễn Thành L** trả hết nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 0154/2024/NBD/HĐTDHM ngày ngày 22 tháng 10 năm 2024 thì **Ngân hàng thương mại cổ phần P** phải có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ giấy tờ đã nhận thế chấp cho ông **Nguyễn Thành L**.

3. Về chi phí tố tụng: Ông **Nguyễn Thành L** tự nguyện chịu 5.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, **Ngân hàng thương mại cổ phần P** đã nộp xong. Buộc ông **Nguyễn Thành L** phải trả lại cho **ngân hàng thương mại cổ phần P** số tiền 5.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Nguyễn Thành L** tự nguyện chịu số tiền 11.002.000 đồng (Mười một triệu không trăm lẻ hai nghìn đồng). Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP P** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.728.000 đồng (Mười triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002564 ngày 24/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 2- Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 2; tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Phương